

Số: 12/2018/QĐST-HNGĐ

Tây Hòa, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Khổng Minh H, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Đặng Thị N, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vương Thị P, sinh năm 1955;
Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Nguyễn Thị K, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Khổng Minh H và chị Đặng Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Khổng Minh H và chị Đặng Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Khổng Phước T, sinh ngày 23/11/2015 cho bị đơn Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn Khổng Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn Khổng Minh H có trách nhiệm trả cho bà Vương Thị P số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và 02 chỉ vàng y 9999 (trị giá 3.650.000 đồng/chỉ); trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Về án phí: Nguyên đơn Khổng Minh H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 1.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2015/0005672 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa nên còn phải nộp 1.032.000 (Một triệu không trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Hoàn lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Vương Thị P số tiền 680.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số AA/2015/0005808 ngày 25/12/2017; bà Nguyễn Thị K số tiền 500.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số AA/2015/0005835 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã S;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Khánh Thoa